

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Đại học Thái Nguyên

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Đại học Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 1131/QĐ-ĐHTN ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng ban chức năng, Thủ trưởng đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc Đại học Thái Nguyên và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các PGD ĐHTN;
- Lưu: VT, ĐT.



GIÁM ĐỐC

GS.TS. Phạm Hồng Quang

QUY ĐỊNH

Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Đại học Thái Nguyên

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 127 /QĐ-ĐHTN ngày 28 tháng 01 năm 2022
của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này nhằm cụ thể hóa các nội dung của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Văn bản này quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Đại học Thái Nguyên (ĐHTN) bao gồm: tuyển sinh; chương trình đào tạo; tổ chức và quản lý đào tạo; nhiệm vụ và quyền hạn của ĐHTN, đơn vị đào tạo, giảng viên và học viên; khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với ĐHTN, các trường đại học thành viên, Trường Ngoại ngữ, Khoa Quốc tế và Phân hiệu ĐHTN được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ (sau đây gọi chung là đơn vị đào tạo), viện nghiên cứu phối hợp đào tạo trình độ thạc sĩ với ĐHTN, các tổ chức và cá nhân có liên quan.

2. Quy định này không áp dụng đối với các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, các chương trình liên kết đào tạo trình độ thạc sĩ giữa ĐHTN với các cơ sở đào tạo của nước ngoài do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp bằng.

Điều 3. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ do đơn vị đào tạo xây dựng và ban hành theo định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và quy định về chuẩn chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng các điều kiện sau:

a) Khối lượng học tập tối thiểu 60 tín chỉ đối với người trình độ đại học thuộc cùng nhóm ngành.

b) Chuẩn đầu ra bao gồm kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; mức độ

tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của người tốt nghiệp trình độ thạc sĩ phải đạt Bậc 7 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và quy định về chuẩn chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngoại ngữ được chấp nhận trong chuẩn đầu vào và chuẩn đầu ra đối với mỗi người học phải cùng một ngôn ngữ.

2. Xây dựng chương trình đào tạo

a) Xác định rõ mục tiêu, chuẩn đầu ra của mỗi chuyên ngành; khối lượng kiến thức, cấu trúc chương trình và yêu cầu đối với học phần tốt nghiệp, phù hợp với định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng, phù hợp với các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHTN. Chương trình đào tạo phải quy định danh mục ngành phù hợp đối với người học đã tốt nghiệp trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên).

b) Chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu có mục tiêu và nội dung theo hướng chuyên sâu về nguyên lý, lý thuyết cơ bản trong các lĩnh vực khoa học, phát triển các công nghệ nguồn làm nền tảng để phát triển các lĩnh vực khoa học ứng dụng và công nghệ.

c) Chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng có mục tiêu và nội dung theo hướng phát triển kết quả nghiên cứu cơ bản, ứng dụng các công nghệ nguồn thành các giải pháp công nghệ, quy trình quản lý, thiết kế các công cụ hoàn chỉnh phục vụ nhu cầu đa dạng của con người.

d) Đề cương chi tiết học phần của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ bao gồm: mục tiêu; chuẩn đầu ra; số tín chỉ; các học phần bắt buộc, các học phần tự chọn; nội dung, hình thức tổ chức dạy học; hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá; học liệu của học phần; các nội dung khác theo yêu cầu của học phần và theo quy định của đơn vị đào tạo.

3. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Định hướng nghiên cứu: Khối lượng nghiên cứu khoa học từ 24 đến 30 tín chỉ, bao gồm 12 đến 15 tín chỉ cho luận văn, 12 đến 15 tín chỉ cho các đề án, dự án, chuyên đề nghiên cứu khác.

b) Định hướng ứng dụng: Thực tập từ 06 đến 09 tín chỉ; học phần tốt nghiệp từ 06 đến 09 tín chỉ dưới hình thức đề án, đề án hoặc dự án.

c) Nội dung chương trình đào tạo thạc sĩ phải thực hiện mục tiêu và đạt được chuẩn đầu ra đã xác định; đảm bảo cho học viên được bổ sung và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; nâng cao năng lực thực hiện công tác chuyên môn và nghiên cứu khoa học trong ngành, chuyên

ngành đào tạo. Phần kiến thức ở trình độ đại học (nếu cần phải nhắc lại) không vượt quá 5% thời lượng mỗi học phần.

d) Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ gồm ba phần: Kiến thức chung, kiến thức cơ sở và chuyên ngành, luận văn thạc sĩ hoặc đề án, đồ án, dự án. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định tỷ lệ kiến thức cơ sở, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

4. Thẩm quyền xây dựng và ban hành chương trình đào tạo

a) Chương trình đào tạo do Thủ trưởng đơn vị đào tạo tổ chức xây dựng theo quy định hiện hành về điều kiện mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo.

b) Sau mỗi khóa học, Thủ trưởng đơn vị đào tạo tổ chức rà soát, sửa đổi, cập nhật, bổ sung, hoàn thiện chương trình đào tạo để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng và tiếp cận với chương trình đào tạo trên thế giới. Việc sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo (nếu có) thực hiện theo quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo hiện hành.

c) Thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định việc sử dụng chương trình đào tạo thạc sĩ đang được áp dụng ở một trường đại học trên thế giới, đã được kiểm định bởi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận, có điều chỉnh cho phù hợp với ĐHTN, được Hội đồng khoa học và đào tạo của đơn vị đào tạo thông qua và phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

d) Khuyến khích việc xây dựng nội dung chương trình đào tạo của ngành, chuyên ngành trong đó huy động được tối đa nguồn lực về giảng viên, cơ sở vật chất của toàn ĐHTN tham gia và phục vụ đào tạo.

đ) Thủ trưởng đơn vị đào tạo báo cáo ĐHTN về chương trình đào tạo thạc sĩ trước khi triển khai đào tạo để thực hiện quản lý, chỉ đạo và thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị đào tạo.

5. Chương trình đào tạo áp dụng chung đối với các hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng người học khác nhau. Chương trình đào tạo được thực hiện để cấp bằng thạc sĩ theo Quy định này; không cấp thêm một văn bằng giáo dục đại học khác. Những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố cho học viên trước khi áp dụng.

Điều 4. Hình thức, thời gian và ngôn ngữ đào tạo

1. Hình thức đào tạo chính quy áp dụng cho chương trình định hướng nghiên cứu và chương trình định hướng ứng dụng. Hình thức đào tạo vừa làm vừa học áp dụng cho chương trình định hướng ứng dụng. Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy đối với mỗi hình thức đào tạo thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Đối với mỗi hình thức đào tạo, đơn vị đào tạo cung cấp kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa cho từng chương trình đào tạo để định hướng cho học viên. Thời gian đào tạo được quy định như sau:

a) Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa phải phù hợp với thời gian quy định trong Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời bảo đảm đa số học viên hoàn thành chương trình đào tạo.

b) Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học dài hơn ít nhất 20% so với hình thức đào tạo chính quy của cùng chương trình đào tạo.

c) Thời gian tối đa để học viên hoàn thành khóa học được ghi trong quy định của đơn vị đào tạo nhưng không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với mỗi hình thức đào tạo.

3. Ngôn ngữ chính thức dùng trong đào tạo là tiếng Việt. Tổ chức đào tạo bằng ngôn ngữ nước ngoài do Giám đốc ĐHTN quyết định theo quy định của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng đơn vị đào tạo.

Điều 5. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Học viên được xem xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ của một số học phần khi đã học một chương trình đào tạo thạc sĩ khác hoặc đã tốt nghiệp một chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học. Số tín chỉ được công nhận và chuyển đổi không vượt quá 30 tín chỉ.

2. Sinh viên đang học chương trình đào tạo đại học ở một đơn vị đào tạo thuộc ĐHTN (hoặc trình độ tương đương trở lên) có học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên có thể được đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ tại cùng đơn vị đào tạo hoặc đơn vị đào tạo khác thuộc ĐHTN. Số tín chỉ được công nhận không vượt quá 15 tín chỉ.

3. Những học phần được xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đáp ứng chuẩn đầu ra, yêu cầu về giảng viên, khối lượng học tập và các yêu cầu khác của học phần trong chương trình đào tạo thạc sĩ.

b) Điểm đánh giá đạt từ 5,5 điểm (hoặc quy đổi tương đương) trở lên.

c) Thời điểm hoàn thành không quá 05 năm tính tới thời điểm xét công nhận, chuyển đổi.

4. Đơn vị đào tạo quy định cụ thể:

a) Điều kiện, tiêu chí đánh giá, quy trình xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ.

b) Điều kiện, quy trình sinh viên đăng ký học theo quy định tại khoản 2 Điều này.

c) Thời gian hiệu lực của kết quả học tập để xem xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ.

d) Các học phần (hoặc nhóm học phần) và số tín chỉ được công nhận, chuyển đổi theo đối tượng người học và chương trình đào tạo.

Chương II

TUYỂN SINH

Điều 6. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

1. Yêu cầu đối với người dự tuyển:

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp.

b) Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

c) Đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu. Công bố khoa học được quy định cụ thể như sau:

- Là tác giả chính của ít nhất 01 báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư Nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,5 trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo có chỉ số ISBN do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành;

- Là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế; hoặc 01 giải thưởng chính thức của cuộc thi quốc gia, quốc tế được công nhận bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao.

d) Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

đ) Nộp hồ sơ, lệ phí đăng ký dự tuyển đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của ĐHTN.

e) Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

2. Ngành phù hợp được nêu tại khoản 1 Điều này và tại các điều khác của Quy định này là ngành đào tạo ở trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) trang bị cho người học nền tảng chuyên môn cần thiết để học tiếp chương trình đào tạo thạc sĩ của ngành tương ứng, được quy định cụ thể trong chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo thạc sĩ; đơn vị đào tạo quy định những trường hợp phải hoàn thành yêu cầu học bổ sung trước khi dự tuyển.

Đối với các ngành quản trị và quản lý, đào tạo theo chương trình thạc sĩ định hướng ứng dụng, ngành phù hợp ở trình độ đại học bao gồm những ngành liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của lĩnh vực quản trị, quản lý. Đơn vị đào tạo quy định cụ thể điều kiện về kinh nghiệm công tác chuyên môn đối với người dự tuyển có bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành phù hợp trong Đề án tuyển sinh.

3. Người dự tuyển đáp ứng yêu cầu quy định tại điểm b khoản 1 Điều này khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài (ít nhất 75% tổng số tín chỉ được giảng dạy bằng ngôn ngữ nước ngoài).

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do ĐHTN hoặc đơn vị đào tạo của ĐHTN cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

c) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục III của Quy định này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

4. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của đơn vị đào tạo (nếu có).

5. Đối với chương trình đào tạo được dạy và học bằng tiếng nước ngoài, người dự tuyển phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ, cụ thể khi có một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy (ít nhất 75% tổng số tín chỉ được giảng dạy bằng ngôn ngữ nước ngoài).

b) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ của ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy đạt trình độ tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục III của Quy định này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

6. Điều kiện dự tuyển thuộc trường hợp đặc biệt do Giám đốc ĐHTN xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng đơn vị đào tạo.

Điều 7. Đối tượng và chính sách ưu tiên

1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Người dự tuyển phải nộp quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.

c) Con liệt sĩ.

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động.

d) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên ở địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

2. Mức ưu tiên

Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên, kể cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên được cộng 10 điểm (thang điểm 100) vào kết quả thi môn ngoại ngữ nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ và cộng 01 điểm (thang điểm 10) vào kết quả thi môn Cơ sở hoặc kết quả học tập của 01 học phần được lựa chọn để xét tuyển.

Điều 8. Phương thức tuyển sinh, số lần tuyển sinh, thông báo tuyển sinh, đề án tuyển sinh

1. Phương thức tuyển sinh bao gồm thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển do ĐHTN quyết định bảo đảm đánh giá minh bạch, công bằng, khách quan và trung thực về kiến thức, năng lực của người dự tuyển. Giám đốc ĐHTN quyết định việc tổ chức tuyển sinh theo hình thức trực tuyến khi đáp ứng những điều kiện đảm bảo chất lượng như đối với tuyển sinh trực tiếp.

2. Việc tuyển sinh được tổ chức một hoặc nhiều lần trong năm do Giám đốc ĐHTN quyết định khi đơn vị đào tạo đáp ứng đủ điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình đào tạo thạc sĩ theo quy định hiện hành.

3. Thông báo tuyển sinh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của ĐHTN và đơn vị đào tạo ít nhất 45 ngày tính đến ngày kết thúc nhận hồ sơ dự tuyển, bao gồm những thông tin sau:

- a) Đối tượng và điều kiện dự tuyển.
- b) Chỉ tiêu tuyển sinh theo chương trình đào tạo, hình thức đào tạo.
- c) Danh mục ngành phù hợp của từng chương trình đào tạo và quy định những trường hợp phải hoàn thành học bổ sung.
- d) Hồ sơ dự tuyển.
- đ) Kế hoạch và phương thức tuyển sinh.
- e) Mức học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình từng năm học, cả khóa học.
- g) Thông tin cần thiết khác của chương trình đào tạo và đơn vị đào tạo.

4. Thủ trưởng đơn vị đào tạo căn cứ vào Quy định này và các quy định có liên quan khác chịu trách nhiệm xây dựng Đề án tuyển sinh trình độ thạc sĩ (theo mẫu tại Phụ lục I), đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin về phương thức tuyển sinh, thời gian tổ chức tuyển sinh, các điều kiện đảm bảo chất lượng và những thông tin cần thiết khác.

Điều 9. Ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển

1. Ngành tốt nghiệp của người dự tuyển được xác định là ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển khi có cùng tên trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp III hoặc cấp IV của hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Giám đốc ĐHTN quyết định danh mục ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển không thuộc các ngành được quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Danh mục các ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển phải được công khai trong thông báo tuyển sinh và trên trang thông tin điện tử của ĐHTN.

4. Danh mục ngành phù hợp được dự thi vào ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý do Thủ trưởng đơn vị đào tạo xác định trong hồ sơ đề nghị cho phép mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ. Việc thay đổi danh mục này do Giám đốc ĐHTN quyết định trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng đơn vị đào tạo kèm theo biên bản họp ghi ý kiến của Hội đồng khoa học và đào tạo của đơn vị đào tạo.

Điều 10. Học bổ sung trước khi dự tuyển

1. Đơn vị đào tạo quy định những trường hợp phải hoàn thành yêu cầu học bổ sung trước khi dự tuyển. Người học phải đóng học phí các học phần bổ sung theo mức học phí quy định hiện hành đối với hệ đại học.

2. Trên cơ sở đề nghị của trưởng khoa/trưởng bộ môn và trưởng phòng chức năng/bộ phận quản lý đào tạo sau đại học, Thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định:

a) Việc học bổ sung kiến thức đối với người dự tuyển có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp hoặc ngành đúng, ngành phù hợp nhưng đã tốt nghiệp cách nhiều năm hoặc bằng tốt nghiệp do cơ sở khác cấp nếu thấy cần thiết.

b) Nội dung kiến thức cần bổ sung cho người đăng ký dự thi theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 của Điều này.

c) Tổ chức việc học bổ sung, công khai quy định về học bổ sung trên trang thông tin điện tử của đơn vị đào tạo.

Điều 11. Hồ sơ dự tuyển

1. Các thủ tục đăng ký, lập danh sách trích ngang người dự tuyển, xét duyệt hồ sơ đăng ký dự tuyển thực hiện theo quy định của ĐHTN. Hồ sơ đăng ký dự tuyển bao gồm:

- a) Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu tại Phụ lục II).
- b) Sơ yếu lý lịch trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển, dán ảnh, đóng dấu giáp lai, có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý nhân sự hoặc chính quyền địa phương nơi người dự tuyển cư trú.
- c) Công văn cử đi dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).
- d) Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp đại học và phụ lục văn bằng kèm theo; các bằng cấp liên quan, chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định.
- đ) Bản sao chụp bìa, mục lục và toàn văn công bố khoa học. Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và thâm niên công tác (nếu có).
- e) Giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có).
- g) Các tài liệu liên quan khác theo yêu cầu của đơn vị đào tạo:
 - Giấy khám sức khỏe của bệnh viện trong vòng 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự tuyển;
 - Bản sao có công chứng văn bằng tốt nghiệp trình độ đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài, chứng chỉ ngoại ngữ;
 - Người có bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cần có minh chứng về học toàn thời gian ở nước ngoài, gồm một trong các tài liệu liên quan sau: (i) xác nhận của cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước sở tại đã theo học; (ii) xác nhận của cơ sở giáo dục nước ngoài nơi đã học tập; (iii) bản sao hợp lệ hộ chiếu có đóng dấu ngày xuất, nhập cảnh; (iv) minh chứng đã đăng ký vào hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử quản lý lưu học sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
 - 03 (ba) ảnh chân dung mới chụp cỡ 4cm x 6cm và 02 (hai) phong bì có dán tem và ghi địa chỉ của người nhận.

Người đăng ký dự tuyển cần mang theo các bản chính của giấy tờ trong hồ sơ để xuất trình, kiểm tra khi nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển.

2. Chậm nhất 03 tuần trước ngày thi hoặc xét tuyển, ĐHTN công bố danh sách người dự tuyển, phòng thi và số báo danh (nếu có) trên trang thông tin điện

tử của ĐHTN. Người dự tuyển cần tiếp nhận thông tin về đợt tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của ĐHTN để thực hiện đúng, đầy đủ trong đợt tuyển sinh.

3. Trong thời gian quy định, đơn vị đào tạo có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển. Khi nhận hồ sơ cần đối chiếu các bản sao với bản chính, kiểm tra phát hiện giấy tờ, thủ tục còn thiếu hoặc chưa hợp lệ (nếu có) và thông báo, hướng dẫn ngay cho người dự tuyển bổ sung, hoàn thiện để nộp kịp thời hạn. Đơn vị đào tạo chỉ được thu nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển đã đầy đủ giấy tờ, thủ tục hợp lệ. Trong và sau ngày thi hoặc xét tuyển, ĐHTN không nhận và không giải quyết đề nghị về việc thay đổi, bổ sung văn bằng, phụ lục văn bằng, đối tượng ưu tiên, đối tượng dự thi, chuyên ngành đào tạo, chứng nhận thâm niên công tác của người dự tuyển.

4. Người dự tuyển đào tạo bác sĩ nội trú tham dự tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ, nếu có nguyện vọng học chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành tương ứng (nếu có), cần nộp phiếu đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ khi đăng ký dự tuyển.

5. Số lượng hồ sơ đăng ký dự tuyển: 02 (hai) bộ hồ sơ, trong đó 01 (một) bộ báo cáo ĐHTN, 01 (một) bộ lưu tại đơn vị đào tạo.

Điều 12. Phương thức thi tuyển

1. Các môn thi tuyển sinh:

Thi tuyển sinh bao gồm 03 môn thi, cụ thể như sau:

a) Môn thi ngoại ngữ là tiếng Anh (điều kiện chuẩn ngoại ngữ đầu vào). Đối với người dự tuyển chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài, môn thi ngoại ngữ là một trong bốn ngôn ngữ: tiếng Nga, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung Quốc. Dạng thức đề thi môn tiếng Anh phải đảm bảo xác định được trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; trình độ và dạng thức đề thi ngoại ngữ khác do Giám đốc ĐHTN quy định và công khai trong thông báo tuyển sinh của ĐHTN.

b) Môn Cơ sở và môn Chủ chốt của ngành, chuyên ngành. Giám đốc ĐHTN ban hành danh mục môn Cơ sở, môn Chủ chốt theo đăng ký mở chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ đã được phê duyệt, thông báo công khai trong thông báo tuyển sinh và trên trang thông tin điện tử của ĐHTN.

c) Đối với ngành, chuyên ngành đặc thù hoặc chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng, đơn vị đào tạo có thể xác định ngay trong đề án mở chuyên ngành hoặc đề nghị ĐHTN xem xét thay môn thi Cơ sở bằng phương thức kiểm tra năng lực khác phù hợp với yêu cầu của chương trình đào tạo chuyên ngành. Phương thức kiểm tra năng lực người dự tuyển phải được quy định cụ thể

về yêu cầu kiểm tra, thang điểm và thực hiện đối với tất cả người dự tuyển vào chuyên ngành.

2. Người dự tuyển đạt năng lực ngoại ngữ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Quy định này được miễn thi môn ngoại ngữ.

3. Việc thay đổi môn thi tuyển sinh hoặc phương thức kiểm tra năng lực người dự tuyển do Giám đốc ĐHTN quyết định và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo trước khi thông báo tuyển sinh, trên cơ sở văn bản đề nghị của Thủ trưởng đơn vị đào tạo kèm theo biên bản ghi ý kiến liên quan của Hội đồng khoa học và đào tạo của đơn vị đào tạo.

Điều 13. Phương thức xét tuyển, xét tuyển kết hợp thi tuyển

1. Tổ chức tuyển sinh theo phương thức xét tuyển đảm bảo các tiêu chí sau:

a) Căn cứ kết quả học tập ở trình độ đại học hoặc tương đương để xét tuyển.

b) Trường khoa chuyên môn lựa chọn 02 học phần quan trọng trong các học phần bắt buộc theo yêu cầu của ngành đào tạo trình độ thạc sĩ để đánh giá kiến thức chuyên môn ở trình độ đại học của người dự tuyển. Kết quả mỗi học phần ở trình độ đại học sử dụng để xét tuyển hoặc kết quả thi của học phần bổ sung kiến thức (nếu có) phải đạt ít nhất 50% thang điểm của học phần đó.

c) Đối với chương trình thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu, ngoài yêu cầu tại điểm a, điểm b khoản này, ĐHTN thực hiện xét tuyển đối với người dự tuyển có bằng tốt nghiệp đại học xếp loại khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu. Công bố khoa học được quy đổi điểm theo quy định để sử dụng làm một tiêu chí xét tuyển.

d) Ngoài quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này, đơn vị đào tạo quy định thêm tiêu chí xét tuyển riêng tại Đề án tuyển sinh đối với từng chương trình đào tạo gồm có cả chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu và theo định hướng ứng dụng.

2. Tổ chức thi tuyển xác định điều kiện chuẩn ngoại ngữ đầu vào đối với môn tiếng Anh và đối với người dự tuyển chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Quy định này. Trường hợp tất cả người đăng ký dự tuyển đạt chuẩn ngoại ngữ đầu vào theo quy định, ĐHTN tổ chức xét tuyển theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Giám đốc ĐHTN quy định cụ thể về quy trình xét tuyển trong các đợt tuyển sinh trình độ thạc sĩ tại ĐHTN, trong đó bao gồm các bước xét tuyển, các tiêu chí và phương án xét tuyển.

Điều 14. Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc Hội đồng

1. Giám đốc ĐHTN ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh. Thành phần của Hội đồng tuyển sinh gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên thường trực và các ủy viên.

- Chủ tịch: Giám đốc ĐHTN hoặc Phó Giám đốc ĐHTN được Giám đốc ĐHTN uỷ quyền;

- Phó Chủ tịch Hội đồng: Phó Giám đốc ĐHTN hoặc Trưởng ban Ban Đào tạo;

- Ủy viên thường trực: Trưởng ban Ban Đào tạo hoặc Phó trưởng ban Ban Đào tạo;

- Các ủy viên: Thủ trưởng đơn vị đào tạo được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ và một số lãnh đạo ban chức năng của ĐHTN.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh: Thông báo tuyển sinh; tiếp nhận hồ sơ dự tuyển; tổ chức thi tuyển, xét tuyển và công nhận học viên trúng tuyển; tổng kết công tác tuyển sinh; gửi báo cáo kết quả công tác tuyển sinh về Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh do Giám đốc ĐHTN quyết định thành lập.

4. Tiêu chuẩn tham gia, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, ủy viên thường trực và các ủy viên; nhiệm vụ, quyền hạn của các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh và từng thành viên thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành và theo yêu cầu cụ thể của Giám đốc ĐHTN.

5. Người có bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột dự tuyển không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh.

Điều 15. Đề thi tuyển sinh

1. Nội dung đề thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Trong phạm vi chương trình đào tạo trình độ đại học, phù hợp với chương trình ôn thi đã công bố. Nội dung, yêu cầu của đề thi có thể đánh giá và phân loại được trình độ của người dự tuyển.

b) Phù hợp với thời gian quy định cho mỗi môn thi.

c) Đảm bảo tính khoa học, chính xác, rõ ràng, chặt chẽ, bám sát và bao quát nội dung thi đã được công bố.

2. Dạng thức đề thi do Giám đốc ĐHTN xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng đơn vị đào tạo và được thông báo công khai.

3. Người ra đề thi (bao gồm người soạn thảo ngân hàng đề thi, người giới thiệu đề nguồn, trưởng môn thi và người phản biện đề thi) phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Có chuyên môn phù hợp với nội dung thi, có tinh thần trách nhiệm, uy tín chuyên môn và có kinh nghiệm ra đề thi.

b) Người ra đề thi các môn thi phải có trình độ tiến sĩ.

c) Giữ bí mật tuyệt đối về công tác ra đề thi, chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng đề thi; bị xem xét, xử lý kỷ luật nếu trong đề thi có nội dung sai sót, hoặc ra đề thi sai, hoặc vi phạm nguyên tắc, quy trình bảo mật đề thi.

4. Đề thi được sử dụng từ ngân hàng đề thi hoặc ra đề độc lập. Giám đốc ĐHTN lựa chọn một trong hai hình thức ra đề thi, cụ thể như sau:

a) Sử dụng ngân hàng đề thi: Ngân hàng có tối thiểu 100 câu hỏi đối với hình thức thi tự luận, hoặc có gấp 30 lần số lượng câu hỏi của mỗi đề thi đối với các hình thức thi khác để xây dựng tối thiểu 03 bộ đề thi cho mỗi môn thi; hoặc có tối thiểu 30 bộ đề thi hoàn chỉnh để chọn ngẫu nhiên lấy tối thiểu 03 đề thi.

b) Ra đề độc lập: Mỗi môn thi có tối thiểu 03 đề thi nguồn do 03 người khác nhau được Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trực tiếp mời giới thiệu đề thi và trực tiếp nhận đề thi nguồn. Đề thi nguồn được biên soạn theo đúng dạng thức đề của môn thi do Giám đốc ĐHTN quy định.

5. Quy trình làm đề thi, công tác bảo mật đề thi, việc xử lý các sự cố bất thường của đề thi theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

6. Thang điểm của đề thi môn ngoại ngữ là thang điểm 100 (đọc: 30 điểm; viết: 30 điểm; nghe: 20 điểm; nói: 20 điểm); thang điểm của các môn thi khác là thang điểm 10.

7. Thời gian thi theo hình thức tự luận đối với môn ngoại ngữ là 150 phút gồm bốn kỹ năng (đọc, viết, nghe, nói); môn Cơ sở và môn Chủ chốt là 150 phút. Trong quá trình thực hiện, Giám đốc ĐHTN có thể điều chỉnh, hoặc có quy định cụ thể về các vấn đề khác liên quan đến đề thi phù hợp với yêu cầu tuyển sinh ngành, chuyên ngành đào tạo.

8. Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh chịu trách nhiệm về công tác tổ chức ra đề thi theo đúng quy định này; quyết định và chịu trách nhiệm về việc xử lý các sự cố bất thường phát sinh trong công tác đề thi.

Điều 16. Tổ chức thi tuyển sinh

1. Lịch thi được đưa vào thông báo tuyển sinh và công khai trên trang thông tin điện tử của ĐHTN. Các môn thi được tổ chức thi liên tục trong các ngày của kỳ thi.

2. Khu vực thi được bố trí tương đối độc lập, an toàn, yên tĩnh, đảm bảo tối thiểu 02 giám thị/ tối đa 30 người/ phòng thi; khoảng cách giữa hai người dự tuyển liền kề nhau trong phòng thi phải từ 1,2m trở lên.

3. Giám đốc ĐHTN quy định cụ thể việc tổ chức thi tuyển sinh để đảm bảo minh bạch, an toàn, nghiêm túc, chất lượng; quy định nội quy phòng thi, tiêu chuẩn giám thị và các vấn đề khác theo yêu cầu của việc tổ chức kỳ thi tuyển sinh.

4. Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh chịu trách nhiệm tổ chức kỳ thi tuyển sinh theo các quy định của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 17. Chấm thi tuyển sinh

1. Giám đốc ĐHTN quy định cụ thể về quy trình xây dựng đáp án, xử lý kết quả chấm thi, phúc khảo điểm thi và các vấn đề khác theo yêu cầu của việc chấm thi tuyển sinh phù hợp với các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy, Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định hiện hành của ĐHTN. Không làm tròn điểm thi tuyển sinh trình độ thạc sĩ.

2. Giám đốc ĐHTN quyết định thành lập Ban chấm thi trên cơ sở lựa chọn từ danh sách giới thiệu của Thủ trưởng đơn vị đào tạo. Cán bộ chấm thi là giảng viên của ĐHTN và giảng viên mời từ cơ sở đào tạo khác (nếu có). Cán bộ chấm thi phải đáp ứng các yêu cầu sau: Có chuyên môn đúng ngành, chuyên ngành với môn thi. Chấm thi môn ngoại ngữ là giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên. Chấm thi môn Cơ sở là giảng viên có trình độ tiến sĩ. Trường hợp cần thiết có thể bổ sung thạc sĩ có năng lực chuyên môn vững vàng, có kinh nghiệm chấm thi tham gia chấm thi môn Cơ sở. Chấm thi môn Chủ chốt là giảng viên có trình độ tiến sĩ. Cán bộ chấm thi chịu trách nhiệm thực hiện các quy định về chấm thi; đảm bảo chấm thi công bằng, khách quan, đúng đáp án; chịu trách nhiệm về kết quả chấm thi và bị xử lý kỷ luật nếu chấm sai dẫn đến thay đổi kết quả trúng tuyển của người dự tuyển.

3. Trưởng ban chấm thi chịu trách nhiệm về công tác tổ chức chấm thi tuyển sinh theo đúng các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy, Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ và quy định hiện hành của

ĐHTN; phải kịp thời báo cáo với Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh về các sự cố bất thường, chưa được quy định, phát sinh trong công tác chấm thi.

4. Việc tổ chức chấm phúc khảo và giải quyết khiếu nại về điểm bài thi được thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

Điều 18. Điều kiện trúng tuyển

1. Người dự tuyển thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt 50% của thang điểm đối với môn Cơ sở và môn Chủ chốt (kể cả điểm ưu tiên, nếu có). Đối với môn thi ngoại ngữ, người dự tuyển cần đạt từ 50 điểm (thang điểm 100) trở lên và không có kỹ năng nào bị điểm liệt theo quy định trong Đề án tuyển sinh.

2. Căn cứ vào chỉ tiêu đã thông báo và tổng điểm hai môn Cơ sở và Chủ chốt (đối với phương thức thi tuyển) hoặc tổng điểm các tiêu chí (đối với phương thức xét tuyển) của người dự tuyển, Hội đồng tuyển sinh xác định phương án điểm trúng tuyển của từng ngành, chuyên ngành đào tạo.

3. Trường hợp có nhiều người dự tuyển cùng tổng điểm hai môn thi Cơ sở và Chủ chốt thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Người có điểm môn Chủ chốt (đối với phương thức thi tuyển) hoặc tiêu chí xếp loại bằng tốt nghiệp đại học (đối với phương thức xét tuyển chương trình định hướng ứng dụng) hoặc tiêu chí quy đổi công bố khoa học (đối với phương thức xét tuyển chương trình định hướng nghiên cứu) cao hơn.

b) Người được miễn thi môn ngoại ngữ hoặc người có điểm thi môn ngoại ngữ cao hơn.

c) Người dự tuyển là nữ ưu tiên theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới.

d) Tiêu chí khác do Giám đốc ĐHTN quyết định (nếu có).

4. Công dân nước ngoài có nguyện vọng được đào tạo trình độ thạc sĩ tại ĐHTN được Thủ trưởng đơn vị đào tạo căn cứ vào ngành đào tạo, kết quả học tập ở trình độ đại học; trình độ ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo và trình độ tiếng Việt, nguồn kinh phí đào tạo hoặc học bổng..., đề nghị Giám đốc ĐHTN quyết định thành lập hội đồng xét tuyển, quyết định công nhận học viên thạc sĩ theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của ĐHTN. Trường hợp có điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam với chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế về việc tiếp nhận công dân nước ngoài đến Việt Nam học tập ở trình độ thạc sĩ thì áp dụng quy định của điều

ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác đó để xét tuyển và quyết định công nhận học viên thạc sĩ.

Điều 19. Quyết định trúng tuyển và công nhận học viên

1. Thường trực Hội đồng tuyển sinh báo cáo Giám đốc ĐHTN kết quả thi tuyển hoặc xét tuyển, dự kiến phương án xác định điểm trúng tuyển và dự kiến danh sách người trúng tuyển trên cơ sở chỉ tiêu đã thông báo. Giám đốc ĐHTN quyết định điểm trúng tuyển của ngành, chuyên ngành, ký duyệt danh sách trúng tuyển và công khai trên trang thông tin điện tử của ĐHTN.

2. Căn cứ danh sách học viên đã được Giám đốc ĐHTN quyết định công nhận trúng tuyển, ĐHTN ban hành giấy báo nhập học đến người trúng tuyển trước ngày nhập học tối thiểu 15 ngày.

3. Sau 15 ngày kể từ ngày quy định nhập học ghi trên giấy báo, nếu người trúng tuyển không đến thực hiện thủ tục nhập học mà không có lý do chính đáng thì được xem như đã tự ý bỏ quyền được đào tạo trình độ thạc sĩ tại ĐHTN trong đợt tuyển sinh.

4. Thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định công nhận học viên thạc sĩ đối với những người trúng tuyển nhập học, báo cáo danh sách học viên nhập học gửi ĐHTN, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

Điều 20. Thanh tra, kiểm tra và giám sát công tác tuyển sinh

1. Giám đốc ĐHTN có trách nhiệm tổ chức hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát nội bộ các khâu trong công tác tuyển sinh tại ĐHTN theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tổ chức và hoạt động thanh tra các kỳ thi.

2. Giám đốc ĐHTN có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu của Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo thanh tra việc thực hiện các quy định về tuyển sinh tại ĐHTN (nếu có).

3. Những người có người thân (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột) dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ không được tham gia công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tuyển sinh.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Điều 21. Tổ chức đào tạo

1. Địa điểm đào tạo là trụ sở chính hoặc phân hiệu đã được phép hoạt động đào tạo của ĐHTN; các hoạt động thực hành, thực tập, nghiên cứu và trải nghiệm

thực tế được tổ chức ở ngoài đơn vị đào tạo nhưng không vượt quá 20% khối lượng chương trình đào tạo. Đối với các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe, việc tổ chức đào tạo tại các cơ sở thực hành thực hiện theo quy định của Chính phủ, đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo và phải được thể hiện rõ trong kế hoạch giảng dạy.

2. Tiêu chuẩn, trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên giảng dạy ở trình độ thạc sĩ phải tuân thủ các quy định hiện hành tại Điều 54, Điều 55, Điều 57 và Điều 58 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; quy định về chuẩn chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác có liên quan.

3. Việc lập kế hoạch và tổ chức giảng dạy, đánh giá và xử lý kết quả học tập được thực hiện theo các quy định liên quan tại Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định tại các khoản từ khoản 4 đến khoản 6 của Điều này và Điều 22 Quy định này. Việc tổ chức đánh giá luận văn, đề án thực hiện theo quy định tại Điều 25 Quy định này.

4. Thời khóa biểu thể hiện thời gian, địa điểm, hoạt động dạy và học của từng lớp học thuộc các khoá học, hình thức và chương trình đào tạo. Kế hoạch giảng dạy và học tập các học phần trong chương trình đào tạo được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng đối với mỗi học phần không vượt quá 15 giờ trong một tuần và 04 giờ trong một ngày.

5. Đơn vị đào tạo quy định quy trình học viên đăng ký học tập trước khi bắt đầu mỗi học kỳ theo từng chương trình đào tạo; khối lượng tín chỉ tối đa và tối thiểu trong mỗi học kỳ học viên được phép đăng ký nhưng tổng số tín chỉ đăng ký tối đa trong một năm học không quá 45 tín chỉ đối với hình thức chính quy và không quá 30 tín chỉ đối với hình thức vừa làm vừa học.

6. Đơn vị đào tạo được tổ chức các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp.

Điều 22. Đánh giá kết quả học tập

1. Việc đánh giá học phần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Khách quan, chính xác, công bằng, phân loại được trình độ của học viên; công khai, minh bạch các quy định về đánh giá và kết quả đánh giá học phần.

b) Đề thi, kiểm tra phải phù hợp với nội dung và đảm bảo mục tiêu học phần đã xác định trong đề cương chi tiết.

c) Đúng hình thức và phương pháp đánh giá đã được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

d) Kết hợp kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập với thi kết thúc học phần.

đ) Kết hợp một số hình thức đánh giá (bài tập, tiểu luận, kết quả thực hành, báo cáo chuyên đề, thi viết, thi vấn đáp,...) phù hợp với yêu cầu của học phần.

e) Kết hợp đánh giá ý thức học tập chuyên cần và tính độc lập, sáng tạo của học viên.

2. Điểm kiểm tra thường xuyên, điểm chuyên cần (nếu có) và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần là tổng của điểm kiểm tra thường xuyên, điểm chuyên cần (nếu có) và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng, làm tròn đến một chữ số thập phân. Học phần đạt yêu cầu (học phần tích lũy) khi có điểm học phần từ 4,0 trở lên. Nếu điểm học phần dưới 4,0 thì học viên phải học lại học phần đó hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn).

3. Kết quả các học phần trong chương trình đào tạo chỉ được xếp loại đạt khi có điểm đánh giá từ 5,5 trở lên. Nếu điểm trung bình chung các học phần chưa đạt thì học viên phải đăng ký học lại một hoặc một số học phần có điểm dưới 5,5, hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn). Điểm được công nhận sau khi học lại là điểm học phần cao nhất trong hai lần học. Học viên phải đóng học phí các học phần đăng ký học lại theo mức học phí quy định đối với đào tạo trình độ thạc sĩ.

4. Điểm đánh giá luận văn, đề án được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

5. Học viên được miễn đánh giá học phần ngoại ngữ trong những trường hợp sau:

a) Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài bằng một trong các ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng

Trung Quốc, tiếng Đức, được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận văn bằng theo quy định hiện hành.

b) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài một trong các ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Trung Quốc, tiếng Đức.

c) Có chứng chỉ tiếng Anh, hoặc chứng chỉ một trong các ngôn ngữ sau: tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Trung Quốc, tiếng Đức Bậc 4 trở lên hoặc tương đương (theo Phụ lục III của Quy định này) trong thời hạn 02 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp luận văn theo quy định của đơn vị đào tạo, được cấp bởi ĐHTN hoặc cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

d) Học chương trình đào tạo thạc sĩ giảng dạy bằng ngôn ngữ nước ngoài; đạt trình độ ngoại ngữ khi trúng tuyển tối thiểu theo quy định; học viên được giảng dạy, viết và đánh giá luận văn hoặc đề án bằng ngôn ngữ nước ngoài.

6. Kết quả đánh giá học phần ngoại ngữ, hoặc được miễn đánh giá học phần ngoại ngữ được ghi vào phụ lục văn bằng, nhưng không tính vào điểm trung bình chung của các học phần (điểm trung bình chung tích lũy). Những trường hợp học viên đủ điều kiện về ngoại ngữ, được miễn đánh giá học phần ngoại ngữ thì được coi như đã học đủ số tín chỉ của học phần ngoại ngữ trong chương trình đào tạo thạc sĩ.

7. Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi bảo đảm sự tin cậy, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần, trừ luận văn hoặc đề án thực hiện theo quy định tại Điều 25 Quy định này.

8. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, đơn vị đào tạo thực hiện đào tạo và đánh giá trực tuyến các học phần theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHTN.

9. Đơn vị đào tạo quy định cụ thể về tổ chức các hoạt động giảng dạy, học tập; việc tổ chức hướng dẫn, thực hiện và đánh giá thực hành, thực tập và chuyên đề nghiên cứu; việc lấy ý kiến phản hồi của người học và những quy định liên quan khác trong tổ chức hoạt động đào tạo thạc sĩ của đơn vị đào tạo.

Điều 23. Học phần tốt nghiệp

1. Học phần tốt nghiệp của chương trình định hướng nghiên cứu là luận văn, được thực hiện trong thời gian ít nhất 06 tháng. Học phần tốt nghiệp của

chương trình đào tạo định hướng ứng dụng là đề án, đồ án hoặc dự án (sau đây gọi chung là đề án), được thực hiện trong thời gian ít nhất 03 tháng.

2. Luận văn thạc sĩ là một báo cáo khoa học, tổng hợp các kết quả nghiên cứu chính của học viên, đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có đóng góp về lý luận, học thuật hoặc phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; thể hiện năng lực nghiên cứu của học viên.

b) Phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam.

c) Tuân thủ quy định của đơn vị đào tạo về liêm chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

3. Báo cáo đề án là một bản thuyết minh quá trình xây dựng, triển khai và kết quả triển khai đề án, đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đề xuất và kiểm nghiệm được mô hình, giải pháp mới để giải quyết hiệu quả những thách thức trong thực tiễn; thể hiện năng lực ứng dụng khoa học, công nghệ và giải quyết vấn đề của học viên.

b) Phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam.

c) Tuân thủ quy định của đơn vị đào tạo về liêm chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

4. Đề tài luận văn, đề án do trưởng bộ môn/ khoa chuyên môn công bố hoặc do học viên đề xuất kèm theo đề cương nghiên cứu hoặc bản thuyết minh đề án, được người hướng dẫn đồng ý và học viên chấp thuận. Trưởng bộ môn/ khoa chuyên môn xác nhận trên cơ sở đánh giá, thông qua của Hội đồng khoa học và đào tạo bộ môn/ khoa chuyên môn, hoặc của hội đồng đánh giá đề cương trước khi gửi lên phòng chức năng/ bộ phận quản lý đào tạo sau đại học.

5. Thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định giao đề tài luận văn, đề án cho học viên và cử người hướng dẫn chậm nhất 06 tháng trước khi bảo vệ luận văn, chậm nhất 03 tháng trước khi đánh giá đề án, trên cơ sở đề nghị của trưởng bộ môn/ khoa chuyên môn và trưởng phòng chức năng/ bộ phận quản lý đào tạo sau đại học.

6. Việc thay đổi đề tài luận văn, đề án trước khi tổ chức bảo vệ luận văn, đánh giá đề án do Thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định trên cơ sở đơn đề nghị

của học viên, có ý kiến đồng ý của người hướng dẫn, trưởng bộ môn/khoa chuyên môn và phòng chức năng/ bộ phận quản lý đào tạo sau đại học.

Điều 24. Hướng dẫn luận văn, đề án

1. Mỗi học viên có một hoặc hai người hướng dẫn luận văn, đề án, trong đó phải có một người là giảng viên cơ hữu của ĐHTN hoặc đơn vị đào tạo. Tại một thời điểm, một người hướng dẫn độc lập không quá 05 học viên (tính cả số học viên thực hiện luận văn và đề án); trường hợp đồng hướng dẫn 02 học viên được tính tương đương hướng dẫn độc lập 01 học viên.

2. Tiêu chuẩn của người hướng dẫn luận văn, đề án:

a) Có trình độ tiến sĩ chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo và đề tài luận văn, đề án của học viên.

b) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế.

c) Có kết quả nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài luận văn, đề án trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm được giao hướng dẫn.

d) Đáp ứng những yêu cầu khác theo chuẩn chương trình đào tạo của ngành, lĩnh vực đào tạo và quy định của đơn vị đào tạo.

3. Đơn vị đào tạo quy định cụ thể về tiêu chuẩn, trách nhiệm và quyền hạn của người hướng dẫn luận văn, đề án; việc giao đề tài, đề án và người hướng dẫn luận văn, đề án; thay đổi đề tài, đề án và người hướng dẫn; yêu cầu về nội dung chuyên môn, cấu trúc, hình thức và bảo đảm liên chính học thuật đối với luận văn, đề án.

Điều 25. Đánh giá luận văn, đề án

1. Luận văn, đề án được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước hội đồng. Buổi bảo vệ được tổ chức công khai trừ những đề tài luận văn, đề án thuộc các lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của Nhà nước.

2. Hội đồng đánh giá luận văn, đề án bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Hội đồng đánh giá luận văn có ít nhất 05 thành viên, bao gồm chủ tịch, thư ký, 02 ủy viên phản biện và các ủy viên khác; trong đó ít nhất 01 ủy viên phản biện là người ngoài đơn vị đào tạo.

b) Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện đề án có ít nhất 03 thành viên, trong đó có chủ tịch, thư ký và ủy viên phản biện. Buổi bảo vệ chỉ tổ chức khi hội đồng đánh giá có mặt chủ tịch, thư ký và ủy viên phản biện.

c) Tiêu chuẩn các thành viên hội đồng phải đáp ứng tiêu chuẩn như người hướng dẫn luận văn, đề án được quy định tại khoản 2 Điều 24 Quy định này; trong đó chủ tịch hội đồng phải là giảng viên cơ hữu hoặc nghiên cứu viên cơ hữu của ĐHTN hoặc đơn vị đào tạo.

d) Người hướng dẫn có thể tham gia hội đồng (trường hợp hội đồng có hơn 03 thành viên) với tư cách là ủy viên nhưng không được cho điểm đánh giá; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột của học viên không tham gia hội đồng.

3. Điều kiện để học viên được bảo vệ luận văn, đề án:

a) Đã hoàn thành tất cả các học phần của chương trình đào tạo, có điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc điểm C trở lên (theo thang điểm chữ).

b) Đã nộp luận văn, đề án và được người hướng dẫn đồng ý cho bảo vệ.

c) Có đơn xin bảo vệ và cam đoan về kết quả nghiên cứu trung thực, có xác nhận về tỷ lệ sao chép không vượt quá quy định của đơn vị đào tạo.

d) Không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập.

đ) Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn, đề án.

e) Đã hoàn thành các yêu cầu khác theo quy định của đơn vị đào tạo.

4. Buổi bảo vệ luận văn, đề án được tổ chức khi ít nhất 2/3 tổng số thành viên hội đồng đánh giá có mặt, trong đó có chủ tịch, thư ký và ít nhất 01 ủy viên phản biện. Hình thức bảo vệ trực tuyến có thể được thực hiện khi có sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và học viên; toàn bộ diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm và lưu trữ tại đơn vị đào tạo.

5. Điểm luận văn, đề án là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên hội đồng có mặt trong buổi đánh giá luận văn, đề án theo thang điểm 10, có thể lẻ đến một chữ số thập phân, gồm: điểm nội dung luận văn, đề án tối đa 9,0 điểm và điểm thành tích nghiên cứu tối đa 1,0 điểm cho những luận văn mà học viên có bài báo khoa học liên quan công bố trên danh mục tạp chí khoa học được tính

điểm của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (điểm thành tích nghiên cứu được tính theo điểm của tạp chí khoa học chia đều cho các tác giả của bài báo), hoặc đề án đã được đơn vị ứng dụng đồng ý bằng văn bản về việc chuyển giao, triển khai kết quả thực hiện đề án. Luận văn, đề án được xếp loại đạt khi có điểm đánh giá lớn hơn hoặc bằng 5,5 điểm, trong đó điểm thành phần của mỗi thành viên trong hội đồng phải đạt từ 5,0 điểm trở lên.

6. Trong trường hợp luận văn, đề án không đạt yêu cầu, học viên được chỉnh sửa, bổ sung luận văn, đề án để được đánh giá lần thứ hai trong thời hạn 03 tháng (đối với luận văn) và trong thời hạn 45 ngày (đối với đề án) tính từ ngày họp hội đồng đánh giá lần thứ nhất; không tổ chức đánh giá luận văn, đề án lần thứ ba. Thủ trưởng đơn vị đào tạo có thể xem xét giao đề tài luận văn, đề án mới nếu học viên có nguyện vọng. Trong trường hợp này, không tổ chức bảo vệ lại nếu luận văn, đề án không đạt yêu cầu. Thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo phải theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này. Kinh phí cho việc chỉnh sửa, bổ sung luận văn, đề án, tổ chức đánh giá lại, thực hiện và bảo vệ đề tài luận văn, đề án mới do học viên tự chi trả.

7. Sau ngày bảo vệ luận văn, đánh giá đề án tối đa 30 ngày, học viên phải chỉnh sửa luận văn, đề án theo ý kiến góp ý của Hội đồng đánh giá luận văn, đề án có báo cáo giải trình những điểm cần bổ sung, chỉnh sửa. Luận văn, đề án đã chỉnh sửa và báo cáo giải trình phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng đánh giá luận văn, đề án. Trường hợp chủ tịch hội đồng vắng mặt, không thể thực hiện xác nhận đúng thời hạn quy định về việc luận văn, đề án đã được chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng, Thủ trưởng đơn vị đào tạo giao cho trưởng khoa quản lý chuyên môn hoặc trưởng bộ môn kiểm tra và xác nhận thay chủ tịch hội đồng. Bản báo cáo giải trình; bản sao biên bản họp hội đồng đánh giá luận văn, đề án và các nhận xét của phản biện; văn bản của Thủ trưởng đơn vị đào tạo giao nhiệm vụ cho người xác nhận thay chủ tịch hội đồng (nếu có) được đóng kèm ở cuối luận văn, đề án, nộp cho phòng chức năng quản lý đào tạo sau đại học kiểm tra, xác nhận trước khi gửi và lưu trữ tại thư viện của đơn vị đào tạo, Trung tâm Số của ĐHTN. Toàn văn luận văn, đề án (đã được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của hội đồng đánh giá luận văn, đề án, nếu có) được công bố trên trang thông tin điện tử của đơn vị đào tạo trong thời gian ít nhất 30 ngày, trừ

một số đề tài luận văn, đề án thuộc các lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của Nhà nước.

8. Mỗi năm đơn vị đào tạo tổ chức hai đợt chính đánh giá luận văn, đề án (không kể việc tổ chức cho những học viên phải bảo vệ lại luận văn, đề án hoặc các trường hợp đặc biệt khác). Thời gian của mỗi đợt tổ chức bảo vệ luận văn, đề án do Thủ trưởng đơn vị đào tạo xác định và được ghi vào kế hoạch đào tạo của khóa học.

9. Đơn vị đào tạo quy định cụ thể về thủ tục, nội dung, trình tự tổ chức đánh giá luận văn, đề án; hồ sơ, các biên bản về bảo vệ luận văn, đề án; yêu cầu đối với bản nhận xét luận văn, đề án; xây dựng nội dung và ban hành phiếu chấm luận văn, đề án theo thang điểm quy định; quy định cụ thể và hướng dẫn thành viên hội đồng đánh giá luận văn, đề án xem xét về chất lượng, tính hợp lệ của bài báo/ báo cáo khoa học/ đề tài nghiên cứu khoa học, đề án ứng dụng đối với chấm điểm nội dung thành tích nghiên cứu cho luận văn hoặc kết quả triển khai ứng dụng của đề án.

Điều 26. Thẩm định luận văn, đề án

1. Khi có phản ánh, khiếu nại, tố cáo hoặc trong những trường hợp khác theo yêu cầu quản lý, Giám đốc ĐHTN quyết định thành lập hội đồng thẩm định chất lượng luận văn, đề án.

2. Hội đồng thẩm định luận văn, đề án có thành phần, tiêu chuẩn như hội đồng đánh giá luận văn, đề án; các thành viên hội đồng đánh giá luận văn, đề án không tham gia hội đồng thẩm định.

3. Thẩm định luận văn, đề án

a) Trước khi họp hội đồng thẩm định, các thành viên hội đồng có bản nhận xét về sự cần thiết của việc nghiên cứu đề tài luận văn, đề án, sự phù hợp với chuyên ngành; sự không trùng lặp về đề tài, đề án, nội dung, kết quả nghiên cứu với các công trình đã được công bố; tính trung thực, minh bạch trong trích dẫn tư liệu; bố cục và hình thức trình bày; nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được; đánh giá thành công và hạn chế của luận văn, đề án, khẳng định mức độ đáp ứng yêu cầu của một luận văn, đề án.

b) Việc thẩm định luận văn, đề án được thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 5, 7 Điều 25 Quy định này.

c) Tác giả luận văn, đề án, người hướng dẫn, thành viên hội đồng đánh giá luận văn, đề án không tham dự phiên họp của hội đồng thẩm định, nhưng được ĐHTN thông báo và có thể gửi ý kiến, cung cấp tài liệu (nếu có) tới hội đồng thẩm định.

4. Xử lý kết quả thẩm định luận văn, đề án không đạt yêu cầu

a) Nếu hội đồng thẩm định kết luận luận văn, đề án không đạt yêu cầu thì phải dừng việc cấp bằng hoặc thu hồi, huỷ bỏ bằng thạc sĩ đã cấp (nếu có) do học viên chưa đủ điều kiện tốt nghiệp.

b) Trường hợp luận văn, đề án không đạt yêu cầu không vì lý do sao chép bất hợp pháp thì quyền và trách nhiệm của học viên giải quyết như sau:

- Trường hợp chưa bảo vệ lại luận văn hoặc đề án, đề tài luận văn hoặc đề án vẫn cần thiết thực hiện thì học viên được chỉnh sửa, bổ sung và bảo vệ lại luận văn, đề án trước hội đồng thẩm định theo quy định tại các khoản 1, 5, 7 Điều 25 Quy định này. Trường hợp đã hết thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này thì học viên được gia hạn tối đa không quá 03 tháng;

- Trường hợp đã bảo vệ lại luận văn, đề án hoặc đề tài luận văn, đề án không cần thiết tiếp tục thực hiện, nếu học viên có nguyện vọng thì Thủ trưởng đơn vị đào tạo giao đề tài luận văn, đề án mới. Trường hợp đã hết thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này thì học viên được thực hiện đề tài luận văn mới trong thời gian tối đa 06 tháng hoặc đề án mới trong thời gian tối đa 03 tháng. Thủ trưởng đơn vị đào tạo tổ chức đánh giá luận văn, đề án theo các quy định tại Điều 23, Điều 24 và Điều 25 Quy định này;

- Kinh phí cho việc chỉnh sửa, bổ sung luận văn hoặc đề án, thực hiện và bảo vệ luận văn, đề án mới do học viên tự chi trả.

Điều 27. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ

1. Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp:

a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn, đề án đạt yêu cầu.

b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn

bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục III của Quy định này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài.

c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của đơn vị đào tạo; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

2. Đơn vị đào tạo tổ chức xét và ra quyết định công nhận tốt nghiệp trong thời hạn 02 tháng tính từ ngày học viên bảo vệ thành công luận văn, đề án; tối đa thêm 03 tháng trong trường hợp phải tổ chức thẩm định luận văn, đề án.

3. Đơn vị đào tạo cấp bằng thạc sĩ cho học viên trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp.

4. Phụ lục văn bằng của học viên được viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh, ghi rõ: ngành, chuyên ngành, loại chương trình đào tạo (định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng), tên các học phần trong chương trình đào tạo, thời lượng của mỗi học phần, điểm học phần lần 1 và lần 2 (nếu có), điểm trung bình chung các học phần, kết quả đánh giá học phần ngoại ngữ (hoặc được miễn đánh giá học phần ngoại ngữ), tên đề tài luận văn hoặc đề án và điểm luận văn hoặc đề án.

5. Đối với các học viên không đủ điều kiện tốt nghiệp theo thời gian học tập hoặc không hoàn thành chương trình đào tạo khi đã hết thời gian đào tạo (bao gồm cả thời gian kéo dài) theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này, không bị kỷ luật buộc thôi học, có yêu cầu thì được Thủ trưởng đơn vị đào tạo cấp chứng nhận kết quả các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo.

6. Quy định của đơn vị đào tạo quy định chi tiết về cách tính điểm trung bình toàn khóa, quy trình xét và công nhận tốt nghiệp; việc bảo lưu, cấp giấy công nhận kết quả học tập đã tích lũy đối với học viên chưa hoàn thành các điều kiện tốt nghiệp.

7. Mỗi năm đơn vị đào tạo tổ chức hai đợt chính xét công nhận tốt nghiệp cho học viên thạc sĩ. Hội đồng xét tốt nghiệp do Thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định thành lập. Hội đồng do Thủ trưởng đơn vị đào tạo hoặc cấp phó được thủ trưởng ủy quyền làm chủ tịch; trưởng/phó phòng chức năng quản lý đào tạo sau

đại học làm uỷ viên thường trực; các uỷ viên là các trưởng khoa/ bộ môn có học viên tốt nghiệp, đại diện thanh tra đào tạo và đại diện lãnh đạo đơn vị có liên quan đến quá trình đào tạo (nếu có). Hội đồng căn cứ vào điều kiện tốt nghiệp để xét, lập danh sách những học viên đủ điều kiện, đề nghị Thủ trưởng đơn vị đào tạo công nhận tốt nghiệp. Hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp gồm có: Danh sách trích ngang học viên được xét tốt nghiệp theo chuyên ngành đào tạo, được lập bởi phòng chức năng quản lý đào tạo sau đại học và uỷ viên thường trực hội đồng xét tốt nghiệp, và hồ sơ cá nhân học viên được xét tốt nghiệp. Hồ sơ cá nhân của học viên bao gồm:

- a) Bản sao bằng và phụ lục văn bằng tốt nghiệp đại học.
- b) Văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định.
- c) Bảng điểm học tập của chương trình đào tạo thạc sĩ toàn khóa học.
- d) Lý lịch khoa học.
- đ) Hồ sơ bảo vệ luận văn, đánh giá đề án theo quy định của Thủ trưởng đơn vị đào tạo.
- e) Giấy chứng nhận đã nộp của Trung tâm Số ĐHTN và thư viện của đơn vị đào tạo: Luận văn hoặc đề án, tóm tắt luận văn hoặc đề án, đĩa CD-ROM lưu trữ luận văn, đề án và tóm tắt luận văn, đề án.
- g) Bản sao giấy khai sinh.
- h) Cam kết thông tin cá nhân ghi trên bằng thạc sĩ.

8. Thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định công nhận tốt nghiệp, cấp bằng thạc sĩ và phụ lục văn bằng cho học viên theo đề nghị của hội đồng xét tốt nghiệp. Việc cấp phát, quản lý bằng thạc sĩ, bản sao bằng thạc sĩ phải tuân thủ quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHTN.

9. Thủ trưởng đơn vị đào tạo tổ chức trao bằng cho người được cấp bằng thạc sĩ. Trong thời gian chờ đợi thực hiện thủ tục cấp bằng, nếu có đề nghị, học viên được Thủ trưởng đơn vị đào tạo cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp và bản sao phụ lục văn bằng thạc sĩ.

10. Phôi bằng thạc sĩ do ĐHTN in ấn, quản lý và cấp phát cho các đơn vị đào tạo chưa tự chủ về in ấn phôi bằng thạc sĩ vào thời gian sau đợt bảo vệ luận văn, đánh giá đề án và xét công nhận tốt nghiệp. Hồ sơ đề nghị cấp phôi bằng thạc sĩ theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy định về việc in phôi, quản lý và cấp phát

phôi văn bằng, chứng chỉ của ĐHTN ban hành kèm theo Quyết định số 2289/QĐ-ĐHTN ngày 06/11/2020 của Giám đốc ĐHTN.

Chương IV

NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC ĐỐI VỚI HỌC VIÊN

Điều 28. Nghỉ học tạm thời, thôi học

1. Học viên được phép nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

- a) Được điều động vào lực lượng vũ trang.
- b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác của quốc gia, của ngành.
- c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ sở khám, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế.
- d) Vì lý do cá nhân khác nhưng phải hoàn thành ít nhất một học kỳ ở đơn vị đào tạo và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

2. Thời gian nghỉ học tạm thời tại điểm d khoản 1 Điều này phải được tính vào thời gian tối đa để hoàn thành khóa học quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này.

3. Học viên được đơn vị đào tạo quyết định cho thôi học vì lý do cá nhân, trừ trường hợp đang bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

4. Đơn vị đào tạo quy định chi tiết về điều kiện, thẩm quyền, thủ tục xét nghỉ học tạm thời, tiếp nhận trở lại học tập và cho thôi học; việc bảo lưu và chứng nhận kết quả học tập đã tích lũy đối với học viên xin thôi học.

Điều 29. Chuyển cơ sở đào tạo, chuyển nơi học và chuyển chương trình đào tạo

1. Học viên được xét chuyển cơ sở đào tạo, chuyển nơi học và chuyển chương trình đào tạo nếu đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình đào tạo xin chuyển đến và cơ sở đào tạo xin chuyển đến có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Được sự đồng ý của hiệu trưởng cơ sở đào tạo xin chuyển đi và cơ sở đào tạo xin chuyển đến đối với chuyển cơ sở đào tạo.

c) Được sự đồng ý của thủ trưởng các đơn vị chuyên môn phụ trách chương trình, ngành đào tạo, người phụ trách phân hiệu (nơi chuyển đi và chuyển đến) và của hiệu trưởng cơ sở đào tạo đối với trường hợp chuyển nơi học và chuyển chương trình đào tạo trong cùng một cơ sở đào tạo.

d) Còn đủ thời gian để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này và không đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

2. Việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy đối với học viên thuộc các trường hợp chuyển cơ sở đào tạo, chuyển chương trình đào tạo phải bảo đảm quy định tại Điều 5 Quy định này.

3. Hồ sơ, thủ tục chuyển đi, chuyển đến

Giám đốc ĐHTN xem xét và ra quyết định cho phép học viên chuyển đi hoặc tiếp nhận học viên chuyển đến ĐHTN tiếp tục học tập, trên cơ sở báo cáo, đề nghị của Thủ trưởng đơn vị đào tạo và hồ sơ xin chuyển cơ sở đào tạo của học viên. Hồ sơ, thủ tục chuyển đi, chuyển đến gồm:

a) Học viên xin chuyển đi: Học viên phải có đơn xin chuyển cơ sở đào tạo, được Thủ trưởng đơn vị đào tạo cho phép chuyển đi và ký tên, đóng dấu xác nhận; có văn bản đồng ý tiếp nhận của Thủ trưởng cơ sở đào tạo xin chuyển đến.

b) Học viên xin chuyển đến ĐHTN: Học viên phải có đơn xin chuyển đến, có ý kiến cho phép chuyển đi của thủ trưởng cơ sở đang đào tạo học viên và ký tên, đóng dấu xác nhận, có ý kiến đồng ý tiếp nhận và ký tên, đóng dấu xác nhận của Thủ trưởng đơn vị đào tạo thuộc ĐHTN đào tạo chuyên ngành, kèm theo các giấy tờ sau: Hồ sơ học viên, bản sao quyết định công nhận học viên của thủ trưởng cơ sở đào tạo tuyển học viên, phụ lục văn bằng hoặc giấy xác nhận kết quả những học phần đã học. Học viên xin chuyển cơ sở đào tạo phải có giấy xác nhận chuyển nơi cư trú đến tỉnh khác của chính quyền địa phương hoặc quyết định tuyển dụng, điều động công tác của cấp có thẩm quyền.

4. Chuyển chương trình đào tạo

Trong thời gian học tập, học viên được phép chuyển chương trình đào tạo một lần, khi có đơn xin chuyển chương trình với lý do chính đáng. Việc cho phép chuyển chương trình đào tạo do Thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định và chỉ giải quyết cho học viên trước khi bắt đầu học các học phần kiến thức chuyên ngành.

5. Những trường hợp thay đổi khác do Giám đốc ĐHTN xem xét, giải quyết trên cơ sở ý kiến đề nghị của Thủ trưởng đơn vị đào tạo.

Điều 30. Trao đổi học viên và hợp tác trong đào tạo

1. Đơn vị đào tạo được trao đổi học viên với cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài (sau đây gọi là cơ sở đào tạo phối hợp) theo yêu cầu sau:

a) Cơ sở đào tạo trong nước phải được phép đào tạo cùng ngành ở trình độ thạc sĩ.

b) Cơ sở đào tạo ở nước ngoài phải là cơ sở giáo dục đại học, được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục nước sở tại công nhận về chất lượng, cho phép đào tạo và cấp bằng thạc sĩ trong nhóm ngành tương ứng.

2. Nguyên tắc thực hiện trao đổi học viên:

a) Hiệu trưởng hai cơ sở đào tạo đồng ý.

b) Số lượng tín chỉ học viên theo học ở cơ sở đào tạo phối hợp được công nhận không quá 25% tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo học viên đang theo học và bảo đảm quy định tại Điều 5 Quy định này.

3. Đơn vị đào tạo quy định chi tiết về điều kiện, quy trình thực hiện trao đổi học viên; công nhận tín chỉ học viên đã tích lũy khi thực hiện chương trình đào tạo ở cơ sở đào tạo phối hợp và công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị đào tạo.

Chương V

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN, ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO, GIẢNG VIÊN VÀ HỌC VIÊN

Điều 31. Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại học Thái Nguyên và đơn vị đào tạo

1. Nhiệm vụ và quyền hạn của ĐHTN

a) Xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn phát triển đào tạo trình độ thạc sĩ của ĐHTN. Căn cứ vào các văn bản pháp lý liên quan của Bộ Giáo dục và Đào tạo và tình hình thực tế của ĐHTN, Giám đốc ĐHTN ban hành Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ thống nhất áp dụng trong ĐHTN. Ban chức năng quản lý đào tạo sau đại học giúp Giám đốc ĐHTN tổ chức, chỉ đạo, triển khai thực hiện các quy định của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, Quy chế về

tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên, Quy định này và các quy định khác có liên quan của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Thẩm định chỉ tiêu tuyển sinh trên cơ sở đề xuất của các đơn vị đào tạo và tổng hợp, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo; xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyển sinh; quyết định công nhận học viên, tiếp nhận học viên chuyển đến và cho phép học viên chuyển cơ sở đào tạo; quản lý quá trình đào tạo trình độ thạc sĩ của ĐHTN theo quy định.

c) Công bố công khai và cập nhật các nội dung cần công khai trong đào tạo trình độ thạc sĩ trên các trang thông tin điện tử của ĐHTN.

d) Tổ chức và triển khai công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy chế, quy định, kế hoạch, chương trình đào tạo thạc sĩ ở các đơn vị đào tạo nhằm phát hiện và giải quyết kịp thời những vấn đề mới phát sinh hoặc những sai sót (nếu có) trong thẩm quyền.

đ) Báo cáo, đề nghị, xin ý kiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong công tác chỉ đạo, xử lý những vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý, tổ chức, chuyên môn ngoài thẩm quyền theo đề nghị của Thủ trưởng đơn vị đào tạo hoặc vấn đề mới phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ.

e) Chịu trách nhiệm in ấn, quản lý và cấp phát phôi văn bằng thạc sĩ cho các đơn vị đào tạo chưa thực hiện tự chủ in ấn phôi văn bằng. Công nhận tốt nghiệp, cấp bằng thạc sĩ cho học viên thạc sĩ chương trình phối hợp đào tạo với các viện nghiên cứu.

g) Những nhiệm vụ và quyền hạn khác liên quan đến đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ quyền hạn của đơn vị đào tạo

a) Trên cơ sở đề nghị của phòng chức năng quản lý đào tạo sau đại học và ý kiến nhất trí của Hội đồng khoa học và đào tạo của đơn vị đào tạo, Thủ trưởng đơn vị đào tạo ban hành quy định chi tiết về quản lý và tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị.

b) Xác định chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm đối với ngành, chuyên ngành đang đào tạo, báo cáo ĐHTN đúng thời gian quy định.

c) Xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn, xuất bản, lựa chọn giáo trình, xây dựng và triển khai kế hoạch giảng dạy đối với các ngành, chuyên ngành đã tuyển sinh; chuẩn bị điều kiện về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, điều tra nhu cầu xã hội và lập hồ sơ đăng ký đào tạo ngành, chuyên ngành mới.

d) Tổ chức, quản lý, triển khai chương trình đào tạo ngành, chuyên ngành theo kế hoạch năm học, khóa học đã được phê duyệt; quản lý việc học tập và nghiên cứu khoa học, kể cả đối với giờ tự học của học viên.

đ) Xét điều kiện và ra quyết định công nhận học viên tốt nghiệp; cấp văn bằng, phụ lục văn bằng thạc sĩ, cấp bản sao văn bằng, phụ lục văn bằng thạc sĩ cho người tốt nghiệp (nếu có nhu cầu); quản lý văn bằng, lập và quản lý sổ gốc cấp phát văn bằng thạc sĩ và sổ cấp bản sao theo quy định hiện hành; cấp chứng nhận tốt nghiệp hoặc chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định.

e) Tổ chức thanh tra, kiểm tra nội bộ, đánh giá và công bố công khai kết quả tự đánh giá chất lượng đào tạo; đăng ký tham gia kiểm định chương trình đào tạo thạc sĩ với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

g) Công bố công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị đào tạo: Các văn bản quy định và thông tin về tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ; danh mục ngành, chuyên ngành đào tạo, kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm cho các ngành, chuyên ngành đã được phép đào tạo; chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy; danh sách học viên trúng tuyển, tốt nghiệp và được cấp bằng thạc sĩ theo từng khoá học; toàn văn các luận văn, đề án đã đánh giá đạt yêu cầu theo từng ngành, chuyên ngành đào tạo và các đề tài luận văn, đề án đang được thực hiện; cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng (gồm đội ngũ giảng viên giảng dạy và hướng dẫn luận văn, đề án; cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành, chuyên ngành) và các khoản thu, chi tài chính đối với người học và các thông tin khác theo quy định.

h) Thực hiện đầy đủ chế độ lưu trữ và báo cáo theo quy định tại Điều 38 Quy định này.

i) Bồi hoàn học phí cho học viên nếu đơn vị đào tạo vi phạm Quy định này hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật dẫn đến học viên không được cấp bằng.

k) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Giảng viên giảng dạy trình độ thạc sĩ

1. Giảng viên giảng dạy trình độ thạc sĩ bao gồm giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng, được phân công nhiệm vụ giảng dạy các học phần trong chương

trình đào tạo trình độ thạc sĩ hoặc hướng dẫn học viên thực hành, thực tập, thực hiện đề tài luận văn thạc sĩ, đề án.

2. Ngoài các tiêu chuẩn giảng viên đại học quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, giảng viên tham gia giảng dạy các học phần lý thuyết chương trình đào tạo thạc sĩ phải có học vị tiến sĩ, tiến sĩ khoa học hoặc có chức danh giáo sư, phó giáo sư; giảng viên giảng dạy học phần ngoại ngữ cho các chuyên ngành không chuyên ngôn ngữ nước ngoài, giảng viên giảng dạy học phần triết học hoặc người hướng dẫn thực hành, thực tập phải có học vị từ thạc sĩ trở lên.

3. Giảng viên thỉnh giảng và báo cáo viên (các chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân, nghệ nhân, nghệ sĩ,... ở trong nước và nước ngoài) tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ phải đảm bảo tiêu chuẩn theo các quy định hiện hành, phải là chuyên gia có uy tín trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành đào tạo.

Điều 33. Nhiệm vụ và quyền hạn của giảng viên giảng dạy trình độ thạc sĩ; nhiệm vụ và quyền hạn của người hướng dẫn luận văn, đề án

1. Nhiệm vụ và quyền hạn của giảng viên giảng dạy trình độ thạc sĩ

a) Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kế hoạch, chương trình đào tạo, các quy định hiện hành của ĐHTN, đơn vị đào tạo và của Nhà nước liên quan đến đào tạo trình độ thạc sĩ.

b) Thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tư vấn, giúp đỡ học viên trong học tập và nghiên cứu khoa học.

c) Thường xuyên nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

d) Được hưởng các chính sách đối với giảng viên giảng dạy trình độ thạc sĩ theo quy định của Nhà nước và đơn vị đào tạo.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của người hướng dẫn luận văn, đề án

a) Hướng dẫn học viên xây dựng và thực hiện kế hoạch nghiên cứu đề tài luận văn, đề án.

b) Theo dõi, kiểm tra và đôn đốc học viên nghiên cứu khoa học, thực hành, thực tập theo yêu cầu của đề tài luận văn, đề án.

c) Từ chối không hướng dẫn học viên và thông báo bằng văn bản cho đơn vị đào tạo trong các trường hợp: Đã hướng dẫn đủ số lượng tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Quy định này; sau 01 tháng kể từ ngày nhận quyết định cử người hướng dẫn mà học viên không liên hệ hoặc không tuân thủ sự hướng dẫn hoặc không hoàn thành kế hoạch nghiên cứu mà không có lý do chính đáng.

d) Xác nhận kết quả nghiên cứu và duyệt luận văn, đề án của học viên; đề nghị và chịu trách nhiệm về việc đề nghị đơn vị đào tạo cho học viên bảo vệ luận văn, đánh giá đề án nếu thấy đáp các ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Quy định này; hướng dẫn học viên sửa chữa luận văn, đề án và xác nhận về việc luận văn, đề án đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng đánh giá luận văn, đề án trong thời gian quy định để đảm bảo điều kiện xét tốt nghiệp cho học viên.

Điều 34. Nhiệm vụ và quyền hạn của học viên

1. Hoàn thành chương trình đào tạo; chấp hành pháp luật; nội quy, quy chế, quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà nước và của ĐHTN, đơn vị đào tạo.

2. Thực hiện kế hoạch nghiên cứu đề tài luận văn, đề án đã được người hướng dẫn duyệt; thường xuyên báo cáo người hướng dẫn về tiến độ và kết quả thực hiện luận văn, đề án.

3. Đóng học phí, bao gồm cả phần học phí tăng thêm do phải học bổ sung, học lại, bảo vệ luận văn hoặc đánh giá đề án lần thứ hai hoặc thực hiện đề tài luận văn hoặc đề án mới theo quy định hợp pháp của ĐHTN, đơn vị đào tạo.

4. Tôn trọng giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức, nhân viên của ĐHTN, đơn vị đào tạo.

5. Được tôn trọng, đối xử bình đẳng và được cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến việc học tập.

6. Được sử dụng thư viện, tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị và cơ sở vật chất của ĐHTN, đơn vị đào tạo theo quy định cho việc học tập, nghiên cứu.

7. Được đề nghị đơn vị đào tạo thay người hướng dẫn luận văn, đề án nếu sau 01 tháng, kể từ khi nhận được quyết định giao đề tài luận văn, đề án và cử người hướng dẫn mà học viên không liên hệ được với người hướng dẫn hoặc không được hướng dẫn thực hiện đề tài luận văn, đề án.

8. Được phản hồi ý kiến với người có thẩm quyền của đơn vị đào tạo và ĐHTN về chương trình đào tạo, về hoạt động giảng dạy của giảng viên và các hoạt động liên quan đến quá trình tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ.

9. Được tham gia hoạt động đoàn thể, tổ chức xã hội trong đơn vị đào tạo và ĐHTN.

10. Được bồi hoàn học phí nếu học viên không có lỗi, do vi phạm của đơn vị đào tạo dẫn đến việc không được cấp bằng thạc sĩ.

11. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Chương VI

KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 35. Khiếu nại, tố cáo

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và học viên thạc sĩ có quyền khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm quy chế của ĐHTN, của đơn vị đào tạo, của giảng viên, cán bộ quản lý và học viên.

2. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của Luật khiếu nại, Luật tố cáo.

Điều 36. Thanh tra, kiểm tra

1. Giám đốc ĐHTN có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, thanh tra định kỳ và đột xuất các điều kiện xác định chỉ tiêu tuyển sinh, thực hiện kế hoạch, chương trình, quy chế đào tạo, công nhận tốt nghiệp, cấp bằng thạc sĩ và các vấn đề khác liên quan đến quá trình thực hiện đào tạo trình độ thạc sĩ của các đơn vị đào tạo; chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có thẩm quyền theo các quy định hiện hành về tuyển sinh, đào tạo, cấp bằng thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo các quy định của pháp luật.

2. Thủ trưởng đơn vị đào tạo có trách nhiệm tổ chức tự kiểm tra, thanh tra nội bộ việc thực hiện kế hoạch, chương trình, quy chế đào tạo và các vấn đề khác liên quan đến quá trình đào tạo trình độ thạc sĩ của đơn vị.

Điều 37. Xử lý vi phạm

1. Học viên có gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm. Học viên thi hộ, học hộ hoặc nhờ người thi hộ, học hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

2. Học viên vi phạm một trong các quy định sau đây sẽ bị buộc thôi học; bằng thạc sĩ nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, hủy bỏ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

a) Có hành vi gian lận trong tuyển sinh, học tập, bảo vệ luận văn, đánh giá đề án hoặc gian lận trong việc làm hồ sơ để được cấp văn bằng, chứng chỉ; sử dụng văn bằng, chứng chỉ giả trong hồ sơ tuyển sinh.

b) Sử dụng kết quả của người khác hoặc sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận văn, đề án và bị hội đồng thẩm định kết luận nếu cắt bỏ những phần sử dụng, sao chép, trích dẫn đó thì luận văn, đề án không đạt yêu cầu.

c) Nhờ hoặc thuê người khác làm hộ luận văn, đề án.

3. Viên chức, người lao động của đơn vị đào tạo tham gia quản lý, giảng dạy, hướng dẫn, đánh giá luận văn hoặc đề án nếu vi phạm Quy định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị tạm dừng việc giảng dạy, hướng dẫn luận văn hoặc đề án, tham gia hội đồng đánh giá luận văn hoặc đề án trong thời hạn tối thiểu 01 năm, bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Nếu giảng viên thỉnh giảng, giảng viên của đơn vị đào tạo hoặc của đơn vị khác thuộc ĐHTN vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ, hành vi vi phạm sẽ bị đình chỉ, chấm dứt hợp đồng tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ 01 năm hoặc vĩnh viễn, hoặc bị thay thế khỏi danh sách hội đồng đánh giá luận văn hoặc đề án và dừng tham gia đánh giá luận văn hoặc đề án của đợt đó, hoặc lâu dài hoặc vĩnh viễn, trường hợp cần thiết sẽ kết hợp thông báo bằng văn bản cho thủ trưởng cơ quan quản lý cán bộ của người vi phạm về hành vi vi phạm để xử lý theo quy định.

4. Đơn vị đào tạo nếu vi phạm Quy định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, Giám đốc ĐHTN có hình thức xử lý hoặc đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan chức năng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các trách nhiệm pháp lý khác theo quy định. Trong trường hợp này, Thủ trưởng đơn vị đào tạo và những người trực tiếp vi phạm bị xem xét xử lý kỷ luật; người vi phạm gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

5. Thủ trưởng đơn vị đào tạo chịu trách nhiệm xử lý viên chức, người lao động, học viên vi phạm và báo cáo ĐHTN, thông báo tới cơ quan chủ quản/ đơn vị/ địa phương nơi người bị xử lý đang làm việc, cư trú.

Điều 38. Chế độ lưu trữ, báo cáo và công khai thông tin

1. Đơn vị đào tạo có trách nhiệm:

a) Hoàn thiện cơ sở dữ liệu nội bộ và cập nhật đầy đủ, chính xác dữ liệu về đào tạo thạc sĩ vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học; xuất dữ liệu tổng hợp báo cáo từ hệ thống, ký xác nhận của đơn vị đào tạo, gửi cho ĐHTN và Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

b) Lưu trữ và bảo quản hồ sơ theo quy định hiện hành về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Đơn vị đào tạo phải công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị các thông tin sau cho từng chương trình đào tạo:

- a) Giới thiệu khái quát về chương trình đào tạo.
- b) Thời gian, địa điểm và hình thức đào tạo.
- c) Yêu cầu đầu vào và thông tin tuyển sinh.
- d) Cấu trúc chương trình (kèm theo số tín chỉ cho mỗi học phần, luận văn, đề án, chuyên đề nghiên cứu).
- đ) Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy và hướng dẫn luận văn, đề án.
- e) Học tập và kiểm tra đánh giá.
- g) Chuẩn đầu ra, cơ hội việc làm.
- h) Học phí, học bổng (nếu có).
- i) Các thông tin khác về chương trình đào tạo.

3. Đơn vị đào tạo phải công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị trước khi tuyển sinh và tổ chức đào tạo:

- a) Quy định của ĐHTN, quy định của đơn vị đào tạo và các quy định quản lý đào tạo có liên quan đến tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cấp bằng thạc sĩ.
- b) Các quyết định mở ngành đào tạo.
- c) Các điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và những thông tin khác theo quy định.

4. Đơn vị đào tạo thường xuyên cập nhật thông tin công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị:

- a) Thống kê số lượng học viên trúng tuyển, đang học, thôi học và tốt nghiệp theo từng khóa, từng ngành, chương trình đào tạo và hình thức đào tạo.
- b) Kế hoạch giảng dạy, thời khóa biểu của từng lớp học; tên đề tài, đề án và tóm tắt nội dung các luận văn, đề án có thông tin học viên, người hướng dẫn và ngày bảo vệ luận văn, đề án (trừ các đề tài luận văn, đề án thuộc các lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của Nhà nước).

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 39. Quy định chuyển tiếp

1. Quy định này áp dụng cho các khóa tuyển sinh trình độ thạc sĩ sau ngày 15 tháng 10 năm 2021.

2. Việc tổ chức đào tạo đối với các khóa đã tuyển sinh trước ngày 15 tháng 10 năm 2021 tiếp tục thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 1131/QĐ-ĐHTN ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Giám đốc ĐHTN về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ.

Điều 40. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ Quy định này và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan, đơn vị đào tạo có trách nhiệm:

a) Xây dựng, ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết công tác quản lý và tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị mình, nhưng không trái với Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định này.

b) Thực hiện trách nhiệm trong công tác đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định tại Điều 50 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

c) Tăng cường liêm chính học thuật; giám sát và kiểm soát việc chống sao chép; xây dựng chế tài, nghiêm túc xử lý khi có vi phạm; bảo đảm tính trung thực của nội dung những luận văn, đề án và những chuyên đề nghiên cứu khác.

d) Xây dựng chính sách thúc đẩy bình đẳng giới trong đào tạo thạc sĩ nhằm góp phần thực hiện mục tiêu của chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, cá nhân kịp thời phản ánh về ĐHTN (qua Ban Đào tạo) để báo cáo Giám đốc ĐHTN xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTN ngày / /2022 của
Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Đơn vị đào tạo:

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ ÁN**Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ****1. Thông tin chung về đơn vị đào tạo**

- 1.1. Tên trường, địa chỉ trang thông tin điện tử của đơn vị đào tạo
- 1.2. Thông tin về tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ của đơn vị đào tạo cho đến thời điểm xây dựng đề án (số lượng ngành/chuyên ngành đào tạo, quy mô người học, các kết quả nghiên cứu)

- 1.3. Những thông tin cần thiết khác

2. Các nội dung cụ thể của đề án

- 2.1. Đối tượng tuyển sinh
- 2.2. Phương thức tuyển sinh
- 2.3. Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành hoặc chuyên ngành
- 2.4. Điều kiện và năng lực nghiên cứu khoa học của đơn vị đào tạo: các hướng nghiên cứu, các đề tài nghiên cứu đang triển khai, các điều kiện hỗ trợ nghiên cứu

- 2.5. Tổ chức tuyển sinh: thời gian và số lần tuyển sinh/năm

- 2.6. Chính sách ưu tiên: ưu tiên đối với các đối tượng theo quy định

- 2.7. Học phí và chính sách hỗ trợ tài chính

- 2.8. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

- 3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu
- 3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu đủ điều kiện hướng dẫn học viên thạc sĩ theo các ngành hoặc chuyên ngành

- 3.3. Các dự án nghiên cứu hợp tác với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và doanh nghiệp trong và ngoài nước

- 3.4. Kiểm định chất lượng

- 3.5. Các điều kiện đảm bảo chất lượng khác

4. Những thông tin cần thiết khác

Thủ trưởng đơn vị đào tạo
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTN ngày / /2022 của
Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Đợt tuyển sinh tháng năm

1. Họ và tên người dự tuyển:.....
2. Giới tính: Nam Nữ
3. Sinh ngày..... tháng.....năm
4. Nơi sinh.....
5. Nơi ở hiện nay.....
6. Đối tượng dự tuyển: Công chức, viên chức được cử đi học Đối tượng khác
7. Đơn vị công tác:
8. Nghề nghiệp, chức vụ hiện tại:.....
9. Thâm niên công tác chuyên môn từ khi tốt nghiệp đại học:.....
10. Thuộc diện cán bộ: Biên chế: Hợp đồng:
11. Văn bằng đại học: Trường tốt nghiệp (TN).....
Hệ đào tạo:Ngành đào tạo.....Năm TN.....Loại TN.....
12. Văn bằng đại học khác (nếu có):.....
13. Đăng ký học bổ sung kiến thức (nếu có):.....
14. Chuyên ngành đăng ký dự tuyển:.....
15. Minh chứng năng lực ngoại ngữ:.....
16. Công trình nghiên cứu khoa học.....
.....
17. Địa chỉ liên hệ

Số điện thoại liên hệ của người dự tuyển:.....

Tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ quy định của Hội đồng tuyển sinh, chấp hành đúng quy chế tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ. Nếu trúng tuyển tôi sẽ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người học theo quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Đại học Thái Nguyên.

Ngày tháng..... năm.....

Người đăng ký dự tuyển

Phụ lục III

Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 và Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTN ngày / /2022 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0-5.0	5.5-6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2

...							
Tổng số							

4. Số học viên hiện có (bao gồm cả số mới tuyển) và dự kiến tốt nghiệp

Khóa học	Số, ngày quyết định công nhận trúng tuyển	Số học viên hiện có			Số học viên dự kiến tốt nghiệp năm ... (năm sau)			Ghi chú
		Tập trung toàn bộ thời gian	Tập trung theo đợt	Tổng số	Tập trung toàn bộ thời gian	Tập trung theo đợt	Tổng số	

5. Đăng ký tuyển sinh năm (năm sau)

- Số lần tuyển sinh:
- Chỉ tiêu tuyển sinh: (theo từng chuyên ngành và mỗi đợt tuyển sinh)

6. Kiến nghị, đề xuất

Thủ trưởng đơn vị đào tạo

(Ký tên và đóng dấu)